

## DIỄN BIẾN PHÂN HÓA RÕ NÉT

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Nhà đầu tư nên hành động chậm lại và quan sát cung cầu trong các nhịp hồi phục để đánh giá trạng thái thị trường, hoạt động bắt đáy nên chọn lọc và tập trung vào nhóm cổ phiếu điều chỉnh trước như bank, VLXD,...
<b>BÁN</b>	Tận dụng các nhịp hồi phục để cơ cấu danh mục, đưa tỷ lệ cổ phiếu về ngưỡng an toàn để tránh những biến động bất ngờ có thể xảy ra trong ngắn hạn.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

<b>NKG</b>	<b>NĂM GIỮ</b>
	<b>↑ 9,52%</b>
	<b>VND 27.600</b>

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm khá mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (19/3), khi Fed khởi động cuộc họp chính sách tiền tệ kéo dài hai ngày.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Diễn biến phân hóa đang khá rõ nét và chưa xuất hiện nhóm cổ phiếu chủ chốt để giúp điểm số hồi phục tốt hơn. Với nhịp hồi phục chưa dứt khoát và có chiều hướng chậm lại, dự kiến thị trường sẽ tiếp tục có trạng thái giằng co trong thời gian tới trước khi có tín hiệu rõ nét hơn. Kịch bản phiên tới VN-Index sẽ kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ 1.240 điểm, trường hợp giữ được mốc này thì sẽ có khả năng sẽ hồi phục trong những phiên cuối tuần. Trong trường hợp không giữ được thì phải lùi xuống để kiểm định cầu quanh hỗ trợ MA50 ngày.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
<b>Dow Jones</b>	39.110,76	0,83	3,77
<b>S&amp;P 500</b>	5.178,51	0,56	8,57
<b>Nasdaq</b>	16.166,79	0,39	7,70
<b>VIX</b>	13,82	-3,56	11,00
<b>DAX</b>	17.987,49	0,31	7,38
<b>FTSE 100</b>	7.738,30	0,20	0,07
<b>CAC40</b>	8.201,05	0,65	8,72
<b>Hang Seng</b>	16.529,48	-1,24	-3,04

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng VN-Index</b>	<b>NEUTRAL</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>52,21</b>	<b>NEUTRAL</b>
<b>MACD(12,26)</b>	<b>14,49</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX(14)</b>	<b>35,45</b>	<b>Overbought</b>
<b>SMA5</b>	<b>1.256,91</b>	<b>SELL</b>
<b>SMA20</b>	<b>1.248,58</b>	<b>SELL</b>
<b>SMA50</b>	<b>1.204,67</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>1.153,08</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>1.160,90</b>	<b>BUY</b>

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm khá mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (19/3), khi Cục Dự trữ Liên bang (Fed) khởi động cuộc họp chính sách tiền tệ kéo dài hai ngày trong bối cảnh nhà đầu tư kỳ vọng ngân hàng trung ương này sẽ bắt đầu hạ lãi suất trong năm nay. Giá dầu thô lập đỉnh mới do mối lo về nguồn cung dầu từ Nga.
- Trưa ngày 19/3 (theo giờ Việt Nam), các quan chức Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) đã nhất trí tăng lãi suất lần đầu tiên kể từ năm 2007. Tuyên bố chính sách cho thấy BoJ đã nâng lãi suất ngắn hạn từ mức -0,1% lên khoảng 0 - 0,1%. Chế độ lãi suất âm của Nhật Bản được áp dụng từ năm 2016.
- Sau 6 phiên liên tiếp duy trì ở mức gần 15.000 tỷ đồng, lượng tín phiếu do Ngân hàng Nhà nước phát hành trong phiên 19/3 đã giảm xuống còn 10.000 tỷ đồng, đồng thời lãi suất trúng thầu cũng giảm từ 1,4% xuống 1,35%. Sau 7 phiên phát hành tín phiếu liên tiếp, NHNN đã hút gần 100.000 tỷ đồng ra khỏi hệ thống ngân hàng. Đây là số tiền không lưu thông trong nền kinh tế và sẽ được NHNN bơm trả hệ thống từ ngày 8/4.
- Từ đầu tháng 3/2024 đến nay, giá cao su tại các sàn giao dịch châu Á có xu hướng tăng trong bối cảnh giá dầu cao và lo ngại về thời tiết tại Thái Lan khiến nguồn cung hạn chế. Trong xu hướng đó, giá cao su xuất khẩu của Việt Nam cũng tăng cao, mở ra triển vọng khả quan cho ngành cao su Việt Nam. Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), hiện giá cao su tự nhiên đang tăng lên mức cao nhất trong 7 năm qua.
- VIB:** VIB đạt mục tiêu lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 12.045 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với kết quả năm trước; tổng tài sản, tổng dư nợ tín dụng và huy động vốn đều tăng trưởng 20-21%, tương ứng dự kiến đạt 492.000 tỷ đồng, 320.600 tỷ đồng và 315.200 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.
- SZC:** Năm 2024, Sonadezi Châu Đức đạt chỉ tiêu kinh doanh tăng nhẹ với doanh thu hơn 881 tỷ đồng và lãi sau thuế hơn 228 tỷ đồng, lần lượt tăng 5% và 4% so với năm 2023. Tỷ lệ cổ tức dự kiến là 10%.
- CEO:** CTCP Tập đoàn C.E.O đặt mục tiêu kinh doanh 2024 với tổng doanh thu hợp nhất 2.100 tỷ đồng và lãi sau thuế 150 tỷ đồng, lần lượt tăng 46% và 24% so với năm 2023. Công ty dự kiến trả cổ tức 2024 với tỷ lệ 5-10%.
- SSI:** HĐQT CTCP Chứng khoán SSI vừa thông qua kế hoạch kinh doanh trình ĐHCĐ thường niên 2024. Theo đó, SSI đặt mục tiêu LNTT ở mức 3.398 tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước. Doanh thu hợp nhất dự kiến đạt 8.112 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.159,70	0,10	4,69
Dầu WTI	83,16	-0,37	16,06
Dầu Brent	87,25	-0,15	13,25
Than	129,40	-0,27	-11,61
Đồng	8.976,50	-1,24	4,88
Quặng sắt	109,19	4,41	-20,83
Thép	537,50	0,00	-4,81

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	103,871	0,05	2,50
USD/JPY	151,21	-0,23	-6,73
USD/CNY	7,1988	0,01	-1,37
EUR/USD	1,0864	-0,02	-1,59
GBP/USD	1,2717	-0,04	-0,11

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	20/03/2024	0
ECB	4,50%	-	0
BOE	5,25%	21/03/2024	0
BOJ	-0,10%	19/03/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
SSI	532,58	36.150	-1,36
HPG	809,02	29.800	0,68
DIG	854,89	29.900	-1,81
VND	440,86	23.050	-0,65
VIX	467,63	19.300	-2,28

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.990,94	92.500	-0,54
BID	294.142,49	51.600	-0,77
CTG	178.820,73	33.300	0,00
VHM	186.802,37	42.900	1,90
GAS	183.050,17	79.700	-0,62

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# NKG

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng giải ngân**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**NĂM GIỮ**
**25.200**
**27.600**
**9,52%**
**24.000-24.600**
**>22.400 (6%)**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Giá thép xây dựng liên tục tăng từ tháng 11/2023 khi thị trường xây dựng trong nước bắt đầu ấm lên. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), triển vọng sản xuất thép của Việt Nam tăng khoảng 10% trong năm 2024 khi nhu cầu sử dụng thép của các ngành kinh tế trong nước phục hồi trở lại.
- Hiện Nam Kim đang nằm trong top 3 doanh nghiệp tôn mạ có thị phần lớn nhất tại Việt Nam (chiếm 17,3% thị phần). Đáng chú ý, đối với sản phẩm ống thép, NKG đang có sự tăng trưởng thị phần tiêu thụ liên tục trong các năm gần đây.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- NKG có phiên tăng khá tích cực kèm thanh khoản lớn. Mẫu hình tam giác đã hoàn thành cho chúng ta 1 kỳ vọng vào xu hướng tăng mới. Tuy nhiên, cổ phiếu cần vượt qua vùng đỉnh ngắn hạn và ngưỡng Fib 127.2% (25.350 đồng). NĐT đang cầm cổ phiếu NKG có thể tiếp tục nắm giữ với vùng hỗ trợ gần 23.600-24.200 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
<b>DTT (tỷ đ)</b>	28.173	23.071	4.459
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	2.562	-107	30
<b>LNST (tỷ đ)</b>	2.225	-125	22
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	67	96	
<b>ROE (%)</b>	49,98	-2,26	2,28
<b>ROA (%)</b>	19,22	-0,86	0,95
<b>EPS (VNĐ)</b>	8.683	-474	464,28
<b>P/E (lần)</b>	3,7		54,28
<b>P/B (lần)</b>	1,48	0,61	1,22

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	<b>59,45</b>	<b>BUY</b>	
<b>MACD(12,26)</b>	<b>0,03</b>	<b>BUY</b>	
<b>ADX(14)</b>	<b>11,34</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA5</b>	<b>24.320</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA20</b>	<b>24.110</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA50</b>	<b>24.280</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA100</b>	<b>23.090</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA200</b>	<b>21.040</b>	<b>BUY</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	STB	Nắm giữ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1			-2,88%
2	VND	Nắm giữ	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8			0,22%
3	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			-4,21%
4	VGC	Nắm giữ	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8			2,70%
5	NKG	Nắm giữ	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4			6,11%
6	KSB	Nắm giữ	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6			-2,86%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
2	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
3	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2024	56,7	13,40%
4	HSG	Chốt lời	21-21,8	10/1/2024	21,5	23,9	20,2	29/1/2024	23,45	9,07%
5	CTS	Chốt lời	28-28,85	9/1/2024	28,7	32,1	27	5/2/2024	31,3	9,06%
6	DCM	Chốt lời	31-32,5	22/11/2023	31,5	36,7	30	16/2/2024	34	7,94%
7	HAH	Chốt lời	38-39,5	10/1/2024	38,9	43,3	36,5	19/2/2024	41,45	7,46%
8	PVD	Chốt lời	26,5-27,2	22/1/2024	27,2	30,6	25,4	20/2/2024	28,95	6,62%
9	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
10	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
11	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
12	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
13	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
14	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
15	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

### TƯ VẤN ĐẦU TƯ

**Khuyến nghị:**

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Chỉ số	NVL	TỶ %
NI CP	16.34.8	
Max	16.34.8	
Cũ B	18.19	-11%
Chỉ số 1 (09%)	21.22	-18.37%
NI CP	MSV	TỶ %
Max	14.60	
Cũ B	15.99	-8.5%
Chỉ số 1 (259%)	19.29	-25.24%
NI CP	CEX	TỶ %
Max	21.21.8	
Cũ B	19.8	-6.4%
Chỉ số 1 (09%)	23.24	-7%
Chỉ số 1 (09%)	25.5.26	-13%

Ngoài những cập theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

### CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MVG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá với trung bình	43.34
Giá đầu tư	99,900 đ
Giá trị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ kỳ hạn	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MOM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.850 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

### THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)